

Bản án số: 149/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 6 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Trần Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Phạm Phi L, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Ấp Vàm Đ, xã Nguyễn H, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:** Chị Trần Kim L, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: Ấp Vàm Đ, xã Nguyễn H, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của Anh Phạm Phi L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:

Anh L và chị L chung sống năm 1998, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị L không tôn trọng anh và cha mẹ anh, kinh tế gia đình chị L quản lý toàn bộ. Nay anh L xác định không thể tiếp tục chung sống cùng chị L nên yêu cầu được ly hôn. Anh L và chị L có 02 con chung tên Phạm Phi H, sinh năm 1999 và Phạm Văn Th, sinh năm 2006, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung giữa anh và chị L tự thỏa Th phân chia, không yêu cầu toà án giải quyết. Về nợ anh L xác định không có.

* Bị đơn chị L trình bày:

Qua trình bày của anh L về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn là đúng. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh L thường bỏ nhà đi và không chung thủy. Việc anh L cho rằng chị không tôn trọng anh và gia đình bên chồng là không có. Chị vẫn còn thương anh L nên không đồng ý ly hôn. Về con chung như anh L trình bày là đúng, con đã trưởng thành không yêu cầu toà án giải quyết. Về tài sản chung sẽ tự thỏa Th phân chia, trường hợp không thỏa Th được chị sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác, không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này. Về nợ chị L xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh L thấy rằng: Anh L và chị L chung sống không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị L, chị L không đồng ý ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, thì hôn nhân giữa anh L và chị L không được pháp luật thừa nhận, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn giữa anh chị mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về con chung anh L và chị L xác định đã trưởng thành; về tài sản chung anh chị tự thỏa Th phân chia; về nợ anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh L pH chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Phi L và chị Trần Kim L.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Phạm Phi L pH chịu là 300.000 đồng. Anh Phạm Phi L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0001250 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D, anh L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai**